TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CHÍ LINH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HNGĐ -ST
Ngày 24-8-2018
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Nguyễn Văn Thành và bà Hoàng Thị Thu Thảo.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương*** *tham gia phiên toà:* Ông Chu Văn Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 174/2018/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2018 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐST- HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1954.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1953.

Đều trú tại: Thôn AB, xã AL, thị xã C, tỉnh Hải Dương.

(Chị Th, anh B có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện,các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải nguyên đơn và bị đơn trình bày: Bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Ngọc B tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn tháng 3.1975, có đăng ký kết hôn tại UBND xã AL nhưng đến nay không còn lưu giữ được giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi cưới ông bà về sinh sống tại AB, AL cho đến nay. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Hiện tại ông bà đã ly thân, bà Th dã dọn về chung sống cùng em trai cùng thôn. Ông B đã nhiều lần đến tìm đón bà về và còn nhờ cả các con khuyên bảo động viên bà về đoàn tụ nhưng bà không về.

Theo bà Th nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do ông B tính tình ích kỷ, nóng nẩy. Ông không thích cho bà có quan hệ với anh em gia đình hai bên,

ông giám sát bà về mặt thời gian, đi đâu làm gì bà phải nói với ông, chậm vài phút là ông tìm cớ đánh chửi bà. Mặt khác ông thường xuyên uống rượu về nhà đánh bà bất kể lý do. Bà và gia đình góp ý với ông nhiều lần nhưng ông không thay đổi. Nay bà xác định không thể chung sống cùng ông được nữa, đề nghị tòa án cho bà ly hôn ông B.

Theo ông B trình bày trong quá trình sống chung bà và ông có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do cách cư xử của bà với ông, bà Th có nhiều lời nói xúc phạm ông. Ông xác định vợ chồng đều đã già mong muốn bà Th về đoàn tụ nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung : Ông bà có 04 con chung gồm : Nguyễn Thị T, sinh năm 1976, Nguyễn Văn TI, sinh năm 1978, Nguyễn Thị TA, sinh năm 1980 và Nguyễn Thị TB, sinh năm 1988. Các con chung đều đã trên 18 tuổi, trưởng thành khỏe mạnh, ông bà không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Th và ông B đều trình bày thống nhất vợ chồng có tài sản chung là nhà đất và một số tài sản khác tại thôn AB, xó AL nhưng ông bà sẽ tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên toà:

Bà Nguyễn Thị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ông Nguyễn Ngọc B trình bày không đồng ý ly hôn, về con chung, tài sản chung không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Th ly hôn ông Nguyễn Ngọc B.

Về con chung, tài sản: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Bà Th là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: bà Nguyễn Thị Th khởi kiện xin ly hôn đối với ông Nguyễn Ngọc B có địa chỉ cư trú tại xã AL, thị xã C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Chí Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Ngọc B chung sống với nhau từ năm 1975, trên cơ sở tự nguyện, có đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Cả hai ông bà đều trình bày có đăng ký kết hôn tại UBND xã AL, thị xã C, tỉnh Hải Dương nhưng Giấy chứng nhận kết hôn bị mất. Qua xác minh với UBND xã AL thì sổ đăng ký kết hôn của xã vào thời gian đó hiện không còn lưu giữ được. Như vậy không đủ căn cứ xác định bà Th và ông B có đăng ký kết hôn. Nhưng căn cứ vào các chứng cứ thu thập được thì có căn cứ xác định bà Th, ông B chung sống với nhau từ năm 1975 khi đó ông bà có đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn ông bà có thời gian dài chung sống hạnh phúc, có con chung, có tài sản chung. Nay bà Th có yêu cầu xin ly hôn do vậy tòa án căn cứ vào điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ - QH10 ngày 09.6.2000 của Quốc Hội để giải quyết thủ tục ly hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do ông bà có những cư xử và lời nói xúc phạm, không tôn trọng nhau. Ngoài ta còn do ông B đánh bà Th nhiều lần. Mâu thuẫn giữa ông bà ngày càng trầm trọng và đã ly thân từ cuối năm 2017 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay bà Th kiên quyết xin ly hôn ông B. Ông B xác định không còn biện pháp gì cải thiện quan hệ vợ chồng, tình cảm vợ chồng không còn nhưng ông không đồng ý ly hôn với bà Th vì cả hai ông bà đều đã nhiều tuổi, con cháu đầy đủ. Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy yêu cầu ly hôn của bụ Th phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Th và ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí : Bà Th là nguyên đơn thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Trang:

- Về quan hệ hôn nhân : Xử cho bà Nguyễn Thị Th ly hụn ông Nguyễn Ngọc B.

- Về con chung, tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Th được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Ngọc B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Chí Linh;
- Các đương sự;
- UBND xã An L¹c, thị xã Chí Linh (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thu Hằng